"NGŨ THƯỜNG" – "NGŨ GIỚI" – "NĂM TÍNH TỐT": HÀNH TRANG VĂN HÓA CỦA THẾ HỆ TRẺ VIỆT

Nguyễn Thị Thu Hường
Đảng ủy phường Hòa Hưng

Tóm tắt: *Bài báo nghiên cứu và phân tích ba hệ giá trị đạo đức cốt lõi trong tiến trình văn hóa và tư tưởng Việt Nam: "Ngũ Thường" của Khổng Tử, "Ngũ Giới" của Phật giáo và "Năm tính tốt" do Chủ tịch Hồ Chí Minh huấn đức. Trên cơ sở tiếp cận liên ngành giữa lịch sử tư tưởng, triết học đạo đức và khoa học giáo dục, nghiên cứu làm rõ sự kế thừa, giao thoa và phát triển giữa các nền tảng nhân cách truyền thống và hiện đại. Kết quả cho thấy, "Ngũ Thường" tạo dựng nền tảng ứng xử và trật tự xã hội; "Ngũ Giới" hướng con người đến sự tự giác, từ bi và hài hòa với cộng đồng; trong khi "Năm tính tốt" là sự tổng hợp sáng tạo, định hình nhân cách con người Việt Nam thời đại mới, vừa thấm đẫm tinh thần dân tộc, vừa mang giá trị nhân văn toàn cầu. Bài báo đồng thời đề xuất việc vận dụng các hệ giá trị này vào giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục cộng đồng và công tác đào tạo cán bộ, nhằm hình thành ở thế hệ trẻ phẩm chất đạo đức, bản lĩnh văn hóa và trách nhiệm xã hội trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số. Nghiên cứu khẳng định, "Ngũ Thường – Ngũ Giới – Năm tính tốt" chính là hành trang văn hóa vững chắc giúp thế hệ trẻ Việt Nam phát triển hài hòa giữa trí tuệ, đạo đức và lòng nhân ái, đây là nền tảng cho sự phát triển bền vững của quốc gia.*
Từ khóa: *Giáo dục văn hóa; năm tính tốt, nhân cách; ngũ thường; ngũ giới.*

Nhận bài ngày 15.10.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.11.2025
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thu Hường; email: thuhuongkata@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam, giáo dục đạo đức luôn giữ vị trí trung tâm trong mọi hệ thống giáo dục, từ gia đình, nhà trường đến xã hội. Mục tiêu cao nhất của giáo dục không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức mà còn nhằm hình thành nhân cách, phẩm chất, và lối sống cho con người. Từ hàng nghìn năm nay, người Việt đã biết dung hợp tinh hoa của nhiều dòng tư tưởng lớn trên thế giới để tạo dựng nên bản sắc đạo lý riêng. Trong đó, Nho giáo và Phật giáo là hai nguồn suối tinh thần chủ đạo, được tiếp thu và bản địa hóa để phù hợp với tâm thức, hoàn cảnh và nhu cầu xã hội Việt Nam. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh sau này chính là sự kế thừa và phát triển sáng tạo trên nền tảng ấy, tạo nên một hệ giá trị toàn diện, vừa thấm đẫm tinh thần dân tộc, vừa mang tầm vóc thời đại.

Ba hệ giá trị "Ngũ Thường", "Ngũ Giới" và "Năm tính tốt" không chỉ là những mô hình đạo đức riêng biệt của ba thời kỳ lịch sử mà còn là ba tầng bậc tiến hóa của tư tưởng nhân cách Việt Nam. "Ngũ Thường" của Khổng Tử đặt nền tảng cho chuẩn mực ứng xử giữa người với người; "Ngũ Giới" của Đức Phật hướng con người vào con đường thanh lọc thân tâm, hướng thiện, vị tha; còn "Năm tính tốt" do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xướng thể hiện sự tổng hợp giữa đạo đức truyền thống phương Đông và tinh thần cách mạng, hiện đại phương Tây. Cả ba hệ giá trị ấy đều có điểm chung là nhấn mạnh mối quan hệ hài hòa giữa cái thiện trong tâm hồn cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng, dân tộc.

Trong lịch sử, "Đình" và "Chùa", hai thiết chế văn hóa truyền thống ở làng xã Việt Nam là nơi lưu giữ và lan tỏa hai hệ giá trị "Ngũ Thường" và "Ngũ Giới". Các bậc cao

niên, nhà sư, và các gia đình cùng đảm nhiệm vai trò giáo dục đạo lý cho thế hệ trẻ. Đó là mô hình "giáo dục cộng đồng" mang đậm tính nhân văn, không chỉ hướng tới tri thức mà còn hướng tới sự thiện trong mỗi con người. Khi bước sang thời hiện đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh, người vừa là nhà cách mạng, vừa là nhà văn hóa lớn đã tiếp nối mạch nguồn đó bằng việc xây dựng hệ giá trị đạo đức mới, đặt trong bối cảnh đấu tranh giải phóng dân tộc và kiến thiết đất nước. "Năm tính tốt" mà Người nêu ra, Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm là sự kết tinh tinh hoa của văn hóa dân tộc và triết lý nhân văn toàn cầu, nhằm đào tạo nên lớp người "vừa hồng, vừa chuyên".

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xã hội Việt Nam đang chứng kiến những biến đổi sâu sắc về giá trị, lối sống và nhận thức. Những tác động mạnh mẽ của công nghệ số, mạng xã hội, chủ nghĩa tiêu dùng và tốc độ đô thị hóa đang khiến một bộ phận giới trẻ rơi vào khủng hoảng giá trị, thiếu định hướng nhân cách và lý tưởng sống. Chính trong hoàn cảnh đó, việc trở lại nghiên cứu, nhận thức và vận dụng ba hệ giá trị "Ngũ Thường" – "Ngũ Giới" – "Năm tính tốt" không phải là sự hồi cố quá khứ, mà là hành động thiết thực để xác định lại nền tảng văn hóa – đạo đức cho thế hệ trẻ Việt Nam. Đây là bước đi cần thiết để đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển vật chất và tinh thần, giữa năng lực nghề nghiệp và phẩm chất con người.

Vì vậy, bài viết này đặt ra mục tiêu tìm hiểu sâu sắc ý nghĩa, nội dung và mối quan hệ giữa ba hệ giá trị nêu trên trong tiến trình văn hóa Việt Nam, đồng thời chỉ ra những gợi mở lý luận và thực tiễn cho công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Nền tảng tư tưởng và giá trị giáo dục của "Ngũ Thường", "Ngũ Giới", "Năm tính tốt" đối với thế hệ trẻ

2.1.1. "Ngũ Thường" nền tảng nhân cách do Khổng Tử huấn đức

Khổng Tử, sinh năm 551 trước Công nguyên và mất năm 479 trước Công nguyên, là bậc hiền triết lớn của phương Đông, người sáng lập học thuyết Nho gia. Ông được tôn vinh là "Vạn thế Sư biểu", tức người thầy của muôn đời, bởi triết lý đạo đức và nhân sinh của ông không chỉ ảnh hưởng đến xã hội Trung Hoa cổ đại mà còn lan tỏa sâu rộng trong đời sống văn hóa của nhiều quốc gia châu Á, trong đó có Việt Nam. Tư tưởng trung tâm của Khổng Tử được thể hiện trong hệ thống năm phẩm chất đạo đức cốt lõi là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí và Tín, được gọi chung là "Ngũ Thường". Đây không chỉ là những đức tính riêng lẻ mà là một chỉnh thể hài hòa, phản ánh triết lý giáo dục con người toàn diện, hướng tới một xã hội có trật tự, công bằng và nhân ái.

Trước hết, *"Nhân"* được xem là gốc của mọi phẩm hạnh. Theo Khổng Tử, "Nhân giả, ái nhân", nghĩa là người có đức Nhân là người biết yêu thương con người. Lòng nhân thể hiện ở sự thương xót, đồng cảm, khoan dung và sẵn sàng giúp đỡ người khác. Trong truyền thống văn hóa Việt Nam, tinh thần "Nhân" được thể hiện rõ qua những đạo lý dân gian như "Thương người như thể thương thân", "Lá lành đùm lá rách". Đây là biểu hiện sinh động của tình thương và lòng nhân ái mà người Việt coi là phẩm chất hàng đầu trong quan hệ giữa người với người.

Đức *"Nghĩa"* là sự công bằng, ngay thẳng và đúng đắn trong hành vi, là chuẩn mực giúp con người sống có nguyên tắc và biết đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân. Trong Luận Ngữ, Khổng Tử nhấn mạnh "Quân tử vụ ư nghĩa, tiểu nhân vụ ư lợi", nghĩa là người quân tử hành động theo điều nghĩa, còn kẻ tiểu nhân chỉ mưu cầu lợi riêng. Ở Việt Nam, tinh thần "Nghĩa" đã trở thành một phần của đạo lý dân tộc, thể hiện trong truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", hay trong những mối quan hệ gắn bó giữa con người với cộng đồng, thể hiện rõ trong quan niệm "tình nghĩa" mà người Việt luôn coi trọng.

Đức *"Lễ"* thể hiện sự tôn trọng, khiêm nhường và trật tự trong quan hệ xã hội. Theo Khổng Tử, "Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động", nghĩa là không theo lễ thì không nên nhìn, nghe, nói hay hành động. "Lễ" không chỉ là nghi thức bề ngoài mà còn là biểu hiện của đạo đức nội tâm, giúp con người giữ đúng mực trong ứng xử, biết kính trên nhường dưới, hòa thuận với mọi người. Trong văn hóa Việt Nam, "Lễ" được biểu hiện qua cách chào hỏi, xưng hô, qua phong tục tôn sư trọng đạo, thờ cúng tổ tiên và duy trì nếp sống văn minh trong cộng đồng.

Đức *"Trí"* là khả năng hiểu biết, sáng suốt, biết phân biệt đúng và sai, thiện và ác. Người có Trí là người biết học hỏi, có năng lực tư duy và biết vận dụng tri thức vào thực tiễn đời sống. Khổng Tử khuyên con người không ngừng học hỏi để mở mang trí tuệ, vì "Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã", nghĩa là biết thì nói là biết, không biết thì nói là không biết, đó chính là người có trí. Trong truyền thống Việt Nam, "Trí" gắn liền với tinh thần hiếu học, ý chí vươn lên bằng tri thức, và lòng kính trọng đối với người thầy. Các kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình dưới các triều đại phong kiến không chỉ là phương thức tuyển chọn nhân tài mà còn phản ánh tinh thần đề cao trí tuệ, lấy học vấn làm con đường lập thân, lập nghiệp.

Đức *"Tín"* thể hiện sự trung thực, giữ lời và nhất quán giữa lời nói với hành động. Khổng Tử từng nói "Nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả dã", nghĩa là người không có chữ tín thì không thể làm được việc gì. "Tín" là nền tảng của mọi mối quan hệ xã hội, là cơ sở của lòng tin giữa người với người. Trong văn hóa Việt Nam, "Tín" được coi trọng trong mọi quan hệ, từ tình bạn, tình làng nghĩa xóm cho đến quan hệ làm ăn và công vụ. Người Việt có câu "Một lần bất tín, vạn lần bất tin" để nhắc nhở về tầm quan trọng của chữ Tín trong nhân cách con người.

Năm đức *Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín* không tồn tại độc lập mà hỗ trợ và điều hòa lẫn nhau, tạo thành một hệ thống đạo lý thống nhất. Nếu thiếu một đức thì nhân cách con người trở nên khiếm khuyết, không còn hoàn thiện. Trong mô hình này, "Nhân" là gốc, "Nghĩa" là đường, "Lễ" là khuôn, "Trí" là ánh sáng và "Tín" là sức mạnh để kết nối xã hội. Chính vì vậy, "Ngũ Thường" trở thành nền tảng của nhân cách và trật tự xã hội, là thước đo để đánh giá phẩm giá và hành vi của mỗi con người.

Tại Việt Nam, Nho giáo được du nhập từ rất sớm và được tiếp thu một cách chọn lọc, kết hợp với tinh thần khoan dung của Phật giáo và tính tự nhiên của Đạo giáo, hình thành nên truyền thống "Tam giáo đồng nguyên". Trong môi trường này, "Ngũ Thường" trở thành chuẩn mực đạo đức phổ biến, được giáo dục và thực hành trong ba không gian văn hóa lớn là gia đình, nhà trường và cộng đồng. Tại các làng quê xưa, "Đình" không chỉ là nơi bàn việc làng mà còn là trung tâm giáo dục đạo lý. Các bậc cao niên thường giảng giải cho con cháu về Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, khuyên dạy họ sống tử tế, trung thực và biết kính trọng người khác. Nhờ đó, "Ngũ Thường" không chỉ hiện diện trong sách vở mà còn trở thành nếp sống, nếp nghĩ của người dân Việt Nam qua nhiều thế hệ.

"Ngũ Thường" vì thế không chỉ là khuôn mẫu luân lý cá nhân mà còn là nền tảng đạo lý của toàn xã hội. Nó góp phần hình thành nên bản sắc văn hóa Việt Nam, khuyến khích con người sống nhân ái, công chính, có kỷ cương, có trí tuệ và giữ chữ tín. Tinh thần ấy đã thấm sâu vào đời sống của dân tộc, trở thành nguồn sức mạnh tinh thần giúp Việt Nam vượt qua biết bao thử thách lịch sử để giữ vững độc lập, tự do và lòng nhân hậu của con người.

Trong bối cảnh hiện nay, khi giáo dục Việt Nam đang hướng tới mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực người học, việc khôi phục và vận dụng những giá trị của "Ngũ Thường" vẫn giữ nguyên giá trị thời đại. Nó không chỉ giúp thế hệ trẻ có định hướng về đạo đức và nhân cách mà còn góp phần hình thành một xã hội nhân văn, hài hòa, nơi con